

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-PT
Ngày: 02-02-2023
“V/v tranh chấp về thừa kế
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Thanh Hoàng.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Ngọc Tuấn;

ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Dương Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh AG.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh AG tham gia phiên tòa: bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố CD bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 218/2022/QĐ-PT ngày 01/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 356/2022/QĐ-PT ngày 28/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị C, sinh năm 1928 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị C:

+ Ông Dương Văn B, sinh năm 1953 (chết ngày 25/12/2020);

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Văn B:

Bà Dương Thị P1, sinh năm: 1969; nơi cư trú: Tổ 21, khóm VĐ, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG.

Bà Dương Thị P2, sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG.

Bà Dương Thị Mỹ Ch, sinh năm: 1977; nơi cư trú: Tổ 13, khóm VĐ, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Ông Dương Văn D, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Ông Dương Văn V, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Bà Dương Thị Tr, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Tổ 2, ấp BB, xã VT, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Bà P1, bà P2, bà Ch ủy quyền cho bà Dương Thị Tr tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 22/03/2021.

+ Ông Dương Văn M (Dương Văn M1), sinh năm 1954;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn M: ông Dương Văn Đ, sinh năm 1989 (theo giấy ủy quyền ngày 07/7/2020).

+ Ông Dương Văn T, sinh năm 1959;

+ Bà Dương Thị Th, sinh năm 1962;

+ Ông Dương Thành L, sinh năm 1972;

Cùng nơi cư trú: Tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Dương Thành L, sinh năm 1972;

2.2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1975;

Cùng nơi cư trú: Tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Dương Văn B, sinh năm 1953 (chết ngày 25/12/2020);

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Văn B:

Bà Dương Thị P1, sinh năm: 1969; nơi cư trú: Tổ 21, khóm VĐ, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Bà Dương Thị P2, sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG.

Bà Dương Thị Mỹ Ch, sinh năm: 1977; nơi cư trú: Tổ 13, khóm VĐ, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Ông Dương Văn D, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Ông Dương Văn V, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Bà Dương Thị Tr, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Tổ 2, ấp BB, xã VT, thành phố CĐ, tỉnh AG.

3.2 Ông Dương Văn M, sinh năm 1954;

3.3 Ông Dương Văn T, sinh năm 1959;

3.4 Bà Dương Thị Th, sinh năm 1962;

3.5 Bà Dương Thị Thúy Q, sinh năm 1996;

3.6 Ông Dương Thế V1, sinh năm 1999;

Cùng nơi cư trú: Tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG.

Người kháng cáo: những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị C các ông, bà Dương Văn B, Dương Văn M, Dương Văn T, Dương Thị Th; bị đơn ông Dương Thành L và bà Lê Thị B.

Tại phiên tòa ông M, ông Đ có mặt. Riêng bà Tr, ông D, ông V, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Th, ông L, bà B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị C (chết) và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà C gồm có ông Dương Văn B, Dương Văn M (Dương Văn M1), Dương Văn T, Dương Thị Th cùng trình bày:

Bà C và ông Dương Văn B1, sinh năm 1919 (ông B1 chết năm 2007) có 05 người con chung là Dương Văn B, Dương Văn M, Dương Văn T, Dương Thị Th, Dương Thành L. Quá trình chung sống, ông B1, bà C có tạo lập được 01 căn nhà tọa lạc tại khóm VX, phường NS, thành phố CD, nhà, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Sau khi ông B1 chết năm 2007, bà C sống cùng ông L và bà B cùng hai con của ông L tại căn nhà nói trên.

Do có mâu thuẫn nên năm 2014, bà C không còn sống chung với ông L và bà B nữa mà về nhà ông Dương Văn M. Sau đó, Bà C gửi đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà gắn liền với đất. Bà yêu cầu được nhận nhà gắn liền với đất và hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế của ông B1.

Vào ngày 17/8/2017 bà C mất, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà C gồm có ông Dương Văn B, Dương Văn M, Dương Văn T, Dương Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin chia thừa kế nhà, đất của ông Dương Văn B1 và Trần Thị C.

Bị đơn Ông Dương Thành L, bà Lê Thị B cùng trình bày:

Cha, mẹ ông L là Dương Văn B1 và Trần Thị C đã tạo dựng 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 100m² trên phần đất tọa lạc khóm VX, phường NS. Ông L là con trai út sống chung với cha, mẹ từ nhỏ.

Năm 1995 cha, mẹ cưới bà Lê Thị B cho ông L. Năm 2007 ông B1 chết, vợ chồng ông L vẫn sống cùng bà C, vẫn phụng dưỡng, hiếu thảo, nuôi mẹ. Năm 2014 giữa anh em có mâu thuẫn về việc phân chia đất nông nghiệp, ông Dương

Văn M đưa bà C về sống cùng ông M, sau đó bà C làm đơn khởi kiện chia thừa kế nhà và đất. Vợ chồng ông L, bà B không chấp nhận yêu cầu của bà C và yêu cầu của các ông, bà B, Th, T, M. Ông L cho rằng quá trình trước sau khi di dời nhà vợ chồng ông đều có tu bổ, cải tạo, sửa chữa nhà nhiều lần, tổng cộng khoảng 65.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc cất và sửa chữa nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố CD đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị C gồm các ông, bà Dương Văn B, Dương Văn T, Dương Văn M (Dương Văn M1), Dương Thị Th.

Xác định khối di sản của ông Dương Văn B1, Trần Thị C là căn nhà diện tích 84m² gắn liền với 2/6 quyền sử dụng đất (2/6 của diện tích 151,6m²) tọa lạc tại tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CD. Nhà, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, trị giá nhà 139.759.000 đồng, đất 101.066.600 đồng.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương Văn B1, Trần Thị C gồm ông Dương Văn B, Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị Th, Dương Thành L.

Xác định kỹ phần thừa kế và nhận hiện vật.

Giao cho ông L được toàn quyền sử dụng, quản lý và nhận di sản căn nhà diện tích 84m² gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 151,6m² tọa lạc tại tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CD.

Ông L có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế gồm ông Dương Văn B, Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị Th, mỗi người số tiền là 23.293.000 đồng (giá trị nhà) + 20.213.000 đồng (giá trị đất) = 43.506.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi thanh toán đủ giá trị nhà gắn liền quyền sử dụng đất cho các hàng thừa kế, ông Dương Thành L có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 07/9/2020, bị đơn ông Dương Thành L, bà Lê Thị B kháng cáo: không đồng ý thanh toán giá trị nhà và đất cho các đồng thừa kế gồm các ông

Dương Văn B, Dương Văn T, Dương Văn M, bà Dương Thị Th, mỗi người số tiền là 43.506.000 đồng vì ông cho rằng nhà và đất tranh chấp không phải là di sản thừa kế.

Ngày 11/9/2020, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bà Trần Thị C, đồng thời là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: các ông, bà Dương Văn B, Dương Văn M, Dương Văn T, Dương Thị Th kháng cáo yêu cầu ông Dương Thành L, bà Lê Thị B cùng 02 cháu Dương Thị Thúy Q, Dương Thế V1 di dời đi nơi khác, giao căn nhà có diện tích 84m² gắn liền với diện tích đất 151,6m², tọa lạc tại tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG cho các ông bà B, M, T, Th cùng quản lý, sử dụng làm phủ thờ.

Chứng cứ mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm: trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm vào ngày 25/12/2020 ông Dương Văn B chết, theo “văn bản cam kết về việc không bỏ sót người thừa kế” được lập ngày 23/3/2021 thì ông B có tất cả 05 người con bao gồm: bà Dương Thị P1, bà Dương Thị P2, bà Dương Thị Mỹ Ch, ông Dương Văn D, ông Dương Văn V, bà Dương Thị Tr, nên cấp phúc thẩm xác định họ tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vào ngày 01/4/2021, Tòa án ban hành công văn số 22/TA-DS gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố CD đề nghị trả lời cho Tòa án về tình trạng pháp lý đối với phần đất đang tranh chấp cũng như việc Ủy ban nhân dân thành phố CD khi cấp nền đất cho bà C di dời lên tuyến dân cư vượt lũ vào năm 2006 là cấp cho hộ gia đình hay cho cá nhân.

Vào ngày 25/10/2022 Ủy ban nhân dân thành phố CD ban hành công văn số 4529/UBND-NC trả lời cho Tòa án với nội dung: “...Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 thì việc: “Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là việc trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất ổn định...”. Theo đó người sử dụng đất được quy định cụ thể tại Điều 5 Luật đất đai 2013; trong đó có hộ gia đình cá nhân.

Như vậy để được cấp GCNQSDĐ cho cá nhân thì người sử dụng đất chứng minh được quyền sử dụng đất là tài sản riêng cá nhân (trừ trường hợp QSDĐ là tài sản chung của vợ chồng nhưng chỉ có vợ hoặc chồng đứng tên). Riêng điều kiện để được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình thì phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật đất đai 2013”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Dương Văn M và người đại diện theo ủy quyền ông Dương Văn Đ phát biểu quan điểm: các anh em của ông kiện ông L, bà B về việc yêu cầu ông L, bà B trả lại căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất và sẽ hoàn lại cho ông L, bà B số tiền 100.000.000đ là do muốn thực hiện di nguyện của mẹ là bà C để lại. Vì lúc còn sống ông L, bà B đã vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng, không làm tròn bổn phận dâu con, hiện nay khi bà C chết thì ông L, bà B cũng không cho anh em ai được vào nhà để thờ cúng cha mẹ. Do đó các anh em ông muốn được nhận

căn nhà này để dùng làm phủ thờ, nơi thờ tự, cúng giỗ cha mẹ chứ cũng không có ý tranh dành với ông L, bà B. Tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, còn xử như thế nào thì sẽ do Hội đồng xét xử quyết định vì anh em ông đã vô cùng mệt mỏi, do vụ án đã kéo dài từ năm 2014 cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của các ông, bà Dương Văn B, Dương Văn M, Dương Văn T, Dương Thị Th, là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự có mặt tại phiên tòa cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: xét thấy tại phiên tòa hôm nay, bà Th, ông L, bà B mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Th, ông L, bà B.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn B (chết) (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Văn B: bà Dương Thị P1, bà Dương Thị P2, bà Dương Thị Mỹ Ch, ông Dương Văn D, ông Dương Văn V, bà Dương Thị Tr), ông Dương Văn M, ông Dương Văn T.

Nhận thấy ông B1, bà C chết mà không để lại di chúc, căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất được xác định là di sản thừa kế do ông B1, bà C để lại. Do đó yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của các đồng nguyên đơn là có căn cứ, việc cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế và phân chia kỷ phần để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng thừa kế là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Việc các ông bà B, T, M kháng cáo với nội dung không đồng ý nhận tiền mà buộc ông L, bà B phải di dời đi nơi khác trả lại căn nhà gắn liền với QSDĐ cho các ông bà và sẽ hoàn lại cho ông L, bà B số tiền 100.000.000đ cùng một nền đất khác để ông L, bà B cất nhà khác để ở là không thể chấp nhận được. Bởi lẽ căn nhà này ông L đã sống cùng với ông B1, bà C từ khi còn nhỏ, hiện nay bà C cũng đã chết, ông L, bà B cùng với các con của mình ngoài căn nhà này cũng không có chỗ ở nào khác, các đồng thừa kế thì ai cũng đã có nhà ở ổn định. Các đồng nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết, chứng cứ gì mới, do đó đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thành phố CD.

Tuy nhiên theo nội dung công văn số 2293 ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố CD cho biết: “do phần đất các đương sự tranh chấp chia di sản thừa kế có vị trí đặc biệt, liên quan đến hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không; mặt khác, đang được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho toàn tuyến, do đó cần phải được đo đạc xác định các thông số kỹ thuật cụ thể và đối chiếu với các quy định của cơ quan điện lực”. Do

đó việc cấp sơ thẩm quyết định giao đất cho bị đơn, ông L và bà B là chưa chính xác mà chỉ là tạm giao để khi nào đủ điều kiện thì ông, bà mới được làm thủ tục kê khai đăng ký QSDĐ theo quy định của pháp luật, do đó cần phải sửa lại án sơ thẩm về cách tuyên án cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Các nội dung khác cần giữ nguyên như nội dung án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: các đương sự trong vụ án ông Dương Văn B, ông Dương Văn M (Dương Văn M1), ông Dương Văn T, bà Dương Thị Th, ông Dương Thành L, bà Lê Thị B nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (riêng ông B, ông M, ông T là người cao tuổi được miễn theo quy định) trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa hôm nay ông M, ông Đ có mặt. Bà Tr, ông D, ông V, ông T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó việc xét xử vẫn được tiến hành theo thủ tục chung. Riêng bà Th, ông L, bà B vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần hai, xem như là từ bỏ việc kháng cáo. Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Th, ông L, bà B theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự còn lại trong vụ án.

[3] Nội dung tranh chấp: các ông bà Dương Văn B, ông Dương Văn M (Dương Văn M1), ông Dương Văn T, bà Dương Thị Th, ông Dương Thành L là anh chị em ruột với nhau (chỉ riêng ông B là cùng cha khác mẹ nhưng cũng được ông B1, bà C nuôi từ nhỏ), là con của ông Dương Văn B1 và bà Nguyễn Thị C, ông B1 chết năm 2007, bà C chết ngày 17/8/2017. Khi còn sống ông B1, bà C có tạo lập được tài sản là đất nông nghiệp và đã phân chia cho các con, riêng căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất, do ông L là con út trong gia đình nên khi còn sống bà C đã sống cùng vợ chồng ông L trong căn nhà này. Tuy nhiên trước khi chết bà C đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ông L và vợ là bà B đã vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng có lời lẽ xúc phạm bà không làm tròn nghĩa vụ của dâu con trong gia đình, bà C yêu cầu ông L, bà B phải trả lại căn nhà gắn liền với QSDĐ, bà sẽ hoàn lại kỷ phần thừa kế của các con bà bằng giá trị, trong đó có ông L (thừa kế từ chồng bà là ông B1).

Khi bà C chết các con của bà gồm các ông, bà B, M, T, Th với tư cách vừa là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án và kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông L và bà B trả lại căn nhà gắn liền với QSDĐ để các ông, bà dùng nơi đây làm phủ thờ chung cho anh em, tộc họ, các ông bà sẽ trả lại giá trị nhà và đất bằng tiền cho

ông L, bà B theo kết quả đo đạc và giá nhà đất mà Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã định.

Cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đó là: xác định khối di sản của ông Dương Văn B1, Trần Thị C là căn nhà diện tích 84m² gắn liền với 2/6 quyền sử dụng đất (2/6 của diện tích 151,6m²) tọa lạc tại tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CD. Nhà, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, trị giá nhà 139.759.000 đồng, đất 101.066.600 đồng.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương Văn B1, bà Trần Thị C gồm các ông, bà Dương Văn B, Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị Th, Dương Thành L.

Xác định kỷ phần thừa kế và nhận hiện vật.

Giao cho ông L được toàn quyền sử dụng, quản lý và nhận di sản căn nhà diện tích 84m² gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 151,6m² tọa lạc tại tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CD.

Ông L có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế gồm các ông, bà Dương Văn B, Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị Th, mỗi người số tiền là 23.293.000 đồng (giá trị nhà) + 20. 213.000 đồng (giá trị đất) = 43.506.000 đồng.

Sau khi xét xử xong, tất cả các đương sự trong vụ án đều kháng cáo, trong đó người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn kháng cáo với nội dung là không đồng ý nhận tiền và yêu cầu ông L, bà B cùng 02 con là cháu Dương Thị Thúy Q, Dương Thế V1 di dời đi nơi khác, giao căn nhà có diện tích 84m² gắn liền với diện tích đất 151,6m² cho các ông, bà B, M, T, Th cùng quản lý, sử dụng làm phủ thờ. Các đồng nguyên đơn sẽ hỗ trợ cho ông L, bà B số tiền 100.000.000đ cùng với một nền đất ngang 05m dài 15m để ông L, bà B cất nhà khác để ở.

Ông L, bà B kháng cáo: không đồng ý thanh toán giá trị nhà và đất cho các đồng thừa kế mỗi người số tiền là 43.506.000 đồng vì ông cho rằng nhà và đất tranh chấp không phải là di sản thừa kế.

Xét yêu cầu kháng cáo của các ông, bà B, T, M, Th Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Căn nhà gắn liền với QSDĐ tọa lạc tại tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG. Nhà có nguồn gốc là của ông B1 và bà C, đất thì do thực hiện chính sách di dời dân khỏi vùng ngập lũ của chính quyền địa phương và cấp cho hộ vào năm 2006. Thời điểm được cấp đất hộ ông B1 gồm có 06 nhân khẩu gồm ông B, bà C, ông L, bà B, ông V1, bà Q. Do ông B1, bà C chết không để lại di chúc nên phát sinh thừa kế theo pháp luật đối với phần của ông B1, bà C, bằng 2/6 diện tích đất.

Do đó yêu cầu khởi kiện của các ông, bà B, T, M, Th có quyền khởi kiện xin chia thừa kế là có căn cứ chấp nhận.

Hiện nay phần đất tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ, tuy nhiên theo Công văn số 2293 ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố CĐ cho biết thì phần đất các đương sự tranh chấp chia di sản thừa kế có đủ điều kiện để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho toàn tuyến.

Hiện nay các nguyên đơn kháng cáo cho rằng không đồng ý nhận tiền mà sẽ nhận bằng hiện vật do căn nhà này là phủ thờ, gắn liền với tuổi thơ của họ và ông L đã vi phạm nghĩa vụ không phụng dưỡng cha mẹ già khi còn sống nên không xứng đáng được sống trong căn nhà này. Tuy nhiên các đồng thừa kế đã không chứng minh được việc ông L, bà B đã vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc khi bà C còn sống, lời trình bày của những người làm chứng như ông Dương Văn U, Nguyễn Ngọc C1 đều xác nhận rằng ông L và bà B đã chăm sóc tốt và làm tròn nghĩa vụ dâu con đối với bà C, hiện nay bà C cũng đã chết.

Hiện nay ông L, bà B ngoài căn nhà này ra thì cũng không còn nơi ở nào khác trong khi các đồng thừa kế khác đều có chỗ ở ổn định.

Việc các đồng thừa kế cho rằng muốn nhận bằng hiện vật là căn nhà gắn liền với QSDĐ đất là để dùng nơi thờ tự, cúng giỗ ông bà cha mẹ.

Xét thấy lý do này là không chính đáng, nếu các thừa kế không muốn cho ông L và bà B thờ cúng thì có thể tự mình thực hiện công việc này tại căn nhà một trong các thừa kế chứ không nhất thiết là phải tại nơi ông L và bà B đang sống, điều quan trọng là nghĩa cử với người đã khuất, còn thờ cúng thì ở nơi nào cũng được.

Xét thấy việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của các ông, bà B, T, M, Th về việc buộc ông L, bà B cùng các con của mình trả lại căn nhà gắn liền với QSDĐ mà trả bằng tiền là có căn cứ để chấp nhận, do đó sẽ không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông B, T, M.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Th, ông L, bà B do các ông, bà đã được tổng đạt hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, xem như là từ bỏ việc kháng cáo. Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Th, ông L, bà B theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy quyết định của cấp sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn các ông B, T, M, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên do phát sinh tình tiết mới ở cấp phúc thẩm đó là việc ông B chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông tham gia tố tụng bao gồm bà Dương Thị P1, bà Dương Thị P2, bà Dương Thị Mỹ Ch, ông Dương Văn D, ông Dương Văn V, bà Dương Thị Tr sẽ được nhận phần di sản thừa kế mà ông B sẽ được hưởng.

Ngoài ra theo nội dung công văn số 2293 ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố CĐ cho biết: “do phần đất các đương sự tranh chấp chia di

sản thừa kế có vị trí đặc biệt, liên quan đến hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không; mặt khác, đang được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho toàn tuyến, do đó cần phải được đo đạc xác định các thông số kỹ thuật cụ thể và đối chiếu với các quy định của cơ quan điện lực”. Do đó việc cấp sơ thẩm quyết định giao đất cho bị đơn, ông L và bà B là chưa chính xác mà chỉ là tạm giao để khi nào đủ điều kiện thì ông, bà mới được làm thủ tục kê khai đăng ký QSDĐ theo quy định của pháp luật,

Từ những tình tiết nêu trên, nên cần phải sửa lại án sơ thẩm về cách tuyên án cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí phúc thẩm: do kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng ông T, ông M, ông B là đối tượng người cao tuổi được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên cũng được xem xét miễn tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Th, ông Dương Thành L và bà Lê Thị B.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn B (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà Dương Thị P1, bà Dương Thị P2, bà Dương Thị Mỹ Ch, ông Dương Văn D, ông Dương Văn V, bà Dương Thị Tr), ông Dương Văn M (Dương Văn M1), ông Dương Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố CD, tỉnh AG.

Sửa án sơ thẩm về cách tuyên án:

Căn cứ Điều 5; khoản 5 Điều 26; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 108, 645, 675, 676, 679, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357, Điều 623, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167; 179 Luật đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 12.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị C gồm các ông, bà Dương Văn B (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà Dương Thị P1, bà Dương Thị

P2, bà Dương Thị Mỹ Ch, ông Dương Văn D, ông Dương Văn V, bà Dương Thị Tr), Dương Văn T, Dương Văn M (Dương Văn M), Dương Thị Th.

[1] Xác định khối di sản của ông Dương Văn B1, Trần Thị C là căn nhà diện tích 84m² gắn liền với 2/6 quyền sử dụng đất (2/6 của diện tích 151,6m²) tọa lạc tại tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CĐ. Nhà, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, trị giá nhà 139.759.000 đồng, đất 101.066.600 đồng.

[2] Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương Văn B1, bà Trần Thị C gồm các ông, bà Dương Văn B, Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị Th, Dương Thành L.

[3] Xác định kỹ phần thừa kế và nhận hiện vật.

Tạm giao cho ông L được quyền sử dụng, quản lý và nhận di sản căn nhà diện tích 84m² gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 151,6m² tọa lạc tại tổ 12, khóm VX, phường NS, thành phố CĐ.

Ông L có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế gồm ông Dương Văn B (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà Dương Thị P1, bà Dương Thị P2, bà Dương Thị Mỹ Ch, ông Dương Văn D, ông Dương Văn V, bà Dương Thị Tr, sẽ nhận phần của ông B), Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị Th, mỗi người số tiền là 23.293.000 đồng (giá trị nhà) + 20. 213.000 đồng (giá trị đất) = 43.506.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi thanh toán đủ giá trị nhà gắn liền quyền sử dụng đất cho các hàng thừa kế, ông Dương Thành L có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Văn B, ông Dương Văn T, ông Dương Văn M thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn án phí. Bà Dương Thị Th phải chịu án phí dân sự là 2.175.000 đồng, khấu trừ vào biên lai nộp tạm ứng án phí số TU/2017 0003762 ngày 12/5/2020 (số tiền 300.000 đồng). Như vậy, bà Th còn phải nộp thêm 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí của bà Trần Thị C đã nộp theo biên lai thu số TU/2013 số 09574 ngày 27/10/2014 số tiền 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho các ông, bà Dương Văn B1 (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà Dương Thị P1, bà Dương Thị P2, bà Dương Thị Mỹ

Ch, ông Dương Văn D, ông Dương Văn V, bà Dương Thị Tr), ông Dương Văn M (Dương Văn M1), Dương Văn T, Dương Văn M, Dương Thị Th. Người đại diện nhận là ông Dương Văn M.

Ông Dương Thành L (đại diện cho bà B, ông V1, bà Q) phải chịu án phí là 6.371.000 đồng (sáu triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Dương Văn B (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà Dương Thị P1, bà Dương Thị P2, bà Dương Thị Mỹ Ch, ông Dương Văn D, ông Dương Văn V, bà Dương Thị Tr), ông Dương Văn T, ông Dương Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Dương Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 094011 ngày 11/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố CĐ.

Ông Dương Thành L, bà Lê Thị B phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0004006, 0004007 cùng ngày 08/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố CĐ.

Những Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố CĐ, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tuấn Trần Minh Hải

Lê Thanh Hoàng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao TP. HCM;
- VKSND.AG;
- TAND thành phố CD;
- Chi cục THADS tp CD;
- Toà Dân sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV & THA;
- Đường sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hoàng

